

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
HÀNG HÓA SÀI GÒN**

**Báo cáo của Hội đồng quản trị**

**Báo cáo tài chính đã được soát xét**

*Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012*



## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3
3. Bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2012	4 - 5
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 22

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn, sau đây gọi tắt là (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012.

### 1. Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 26/7/2012)
Ông Đỗ Tất Bình	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 22/6/2012)
Ông Phan Lê Hoan	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 26/7/2012)
Ông Võ Tá Quế	Thành viên
Ông Đoàn Ngọc Cương	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22/6/2012)
Ông Lê Xuân Lộc	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22/6/2012)
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22/6/2012)

### 2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hiến Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc

### 3. Các hoạt động chính

Dịch vụ giao nhận, bốc xếp hàng hóa. Lưu giữ hàng hóa. Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. kinh doanh bất động sản.

### 4. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2012 và kết quả hoạt động cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012 được trình bày từ trang 04 đến trang 22.

### 5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

### 6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

### 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định soát xét báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012.

### 8. Công bố trách nhiệm của Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

### 9. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012.

Vào ngày lập báo cáo này, Công ty tin tưởng rằng có khả năng hoàn trả các khoản nợ của Công ty khi đáo hạn.



*Đỗ Minh Toàn*

Ngày 18 tháng 8 năm 2012

Số: 099/BCSX

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn tại ngày 30/6/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012, từ trang 04 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

### Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**HỒ ĐẮC HIẾU**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0458/KTV  
Tp. HCM, ngày 18 tháng 8 năm 2012

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**TRƯƠNG THỊ CÁT TRÂM**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1764/KTV



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>11.412.076.726</b>	<b>7.929.835.949</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>		<b>3.376.018.994</b>	<b>4.071.408.206</b>
1. Tiền	111	V.01	3.376.018.994	4.071.408.206
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>	V.02	<b>7.606.800.271</b>	<b>3.014.816.124</b>
1. Phải thu khách hàng	131		7.149.154.917	2.285.494.735
2. Trả trước cho người bán	132		304.777.970	529.446.370
3. Các khoản phải thu khác	135		152.867.384	199.875.019
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>		<b>4.880.682</b>	<b>3.822.057</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.880.682	3.822.057
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>	V.03	<b>424.376.779</b>	<b>839.789.562</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		301.790.369	739.803.752
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		122.586.410	99.985.810
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>1.027.770.618.132</b>	<b>1.046.527.368.455</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>944.866.859.542</b>	<b>973.066.829.417</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.04	<b>865.959.907.920</b>	<b>149.740.377.041</b>
- Nguyên giá	222		903.005.632.507	160.425.776.153
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.045.724.587)	(10.685.399.112)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.05	<b>62.187.710.316</b>	<b>53.747.460.431</b>
- Nguyên giá	225		64.851.658.199	53.747.460.431
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.663.947.883)	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.06	<b>14.196.961.977</b>	<b>239.930.904</b>
- Nguyên giá	228		15.186.805.383	265.419.096
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(989.843.406)	(25.488.192)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	2.522.279.329	769.339.061.041
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>	V.08	<b>82.903.758.590</b>	<b>73.460.539.038</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		79.555.393.590	70.340.925.355
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	432.259.683
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.348.365.000	2.687.354.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.039.182.694.859</b>	<b>1.054.457.204.404</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính





# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>711.083.147.999</b>	<b>675.970.417.566</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>114.095.008.063</b>	<b>74.572.474.579</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	25.698.511.044	-
2. Phải trả cho người bán	312	V.10	74.106.127.921	57.266.093.977
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	293.389.081	28.547.776
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	1.411.452.770	556.947.366
5. Phải trả người lao động	315	V.12	1.717.917.716	1.511.568.431
6. Chi phí phải trả	316	V.13	6.613.398.291	13.595.422.991
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	4.011.769.398	1.432.104.044
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		242.441.842	181.789.994
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	V.15	<b>596.988.139.936</b>	<b>601.397.942.987</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		3.637.938.041	3.021.970.397
2. Vay và nợ dài hạn	334		529.723.004.889	529.033.733.855
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		63.627.197.006	69.342.238.735
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.16	<b>328.099.546.859</b>	<b>378.486.786.837</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>328.099.546.859</b>	<b>378.486.786.837</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(3.763.840.234)	(5.323.160.821)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		644.128.916	545.595.492
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		460.428.661	361.895.237
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(49.241.170.483)	2.902.456.929
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.039.182.694.859</b>	<b>1.054.457.204.404</b>

### CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	57,785.94	3,686.72
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

TP HCM, ngày 18 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
Nguyễn Thị Thanh Hà

  
Lê Xuân Lộc



  
Nguyễn Quốc Khánh



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01		<b>56.083.408.846</b>	<b>20.299.689.411</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	5.827.925
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	VI.17	<b>56.083.408.846</b>	<b>20.293.861.486</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	36.701.730.083	6.057.812.758
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>19.381.678.763</b>	<b>14.236.048.728</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	79.505.468	696.827.099
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	51.962.323.055	11.481.156
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.988.635.514	4.718.608
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.21	19.559.807.379	14.473.907.561
<b>10. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>(52.060.946.203)</b>	<b>447.487.109</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.22	11.901.194.834	9.533.344
12. Chi phí khác	32	VI.23	11.157.482.663	210.991.843
<b>13. Lợi nhuận (lỗ) khác</b>	40		<b>743.712.171</b>	<b>(201.458.499)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận (lỗ) trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(51.317.234.032)</b>	<b>246.028.610</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.24	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		432.259.683	-
<b>17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(51.749.493.715)</b>	<b>246.028.610</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu</b>	70			

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

TP HCM, ngày 18 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Chanh Hà



Lê Xuân Lộc



Nguyễn Quốc Khánh



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(51.317.234.032)</b>	<b>246.028.610</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	30.527.916.485	3.529.143.758
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.599.738.700	(1.363.082.810)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(198.162.831)	-
Chi phí lãi vay	06	41.988.635.514	-
<b>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>22.600.893.836</b>	<b>2.412.089.559</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(4.634.584.747)	46.055.345.993
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(1.058.627)	884.222
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	8.455.130.993	19.146.922.090
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(8.776.454.852)	156.941.041
Tiền lãi vay đã trả	13	(41.871.292.350)	(31.318.637.218)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(44.592.650)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(641.011.000)	(322.272)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(24.912.969.396)</b>	<b>36.453.223.414</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(13.233.981.547)	(101.620.884.060)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	11.104.197.768	9.533.344
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.129.783.779)</b>	<b>(101.611.350.716)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	36.186.898.580	62.884.476.533
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.299.116.502)	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(500.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>26.387.782.078</b>	<b>62.884.476.533</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(654.971.098)</b>	<b>(2.273.650.769)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.071.408.206	23.491.937.856
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(40.418.114)	12.090.802
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>3.376.018.994</b>	<b>21.230.377.889</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

TP HCM, ngày 18 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

*Nguyễn Thị Thanh Hà*

*Lê Xuân Lộc*

*Nguyễn Quốc Khánh*

Nguyễn Thị Thanh Hà

Lê Xuân Lộc

Nguyễn Quốc Khánh





# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009937 ngày 08/4/2008, và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/9/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 380.000.000.000 đồng.

#### 2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Tên Công ty bằng tiếng Anh: Saigon Cargo Service Corporation

Tên Công ty viết tắt: SCSC

Trụ sở chính đặt tại: 30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

#### 3 Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại - Dịch vụ

#### 4 Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Bốc xếp hàng hóa. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung





# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

### IV Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng là Đồng Việt Nam ("đ") được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính như sau:

Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận như sau:

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải thu dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải trả dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.





# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 45 năm
Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định khác (sân đậu máy bay)	30 năm
Phần mềm vi tính	03 - 08 năm

#### 6. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	02 - 05 năm
- Chi phí đào tạo	03 năm
- Chi phí tiền thuê đất	49 năm
- Phần chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá bán TSCĐ đối với hợp đồng bán tài sản cố định và thuê lại tài sản thuê tài chính	10 - 15 năm



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

---

### 7. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

### 8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 9. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Dự phòng trợ cấp mất việc làm:** Công ty chưa trích lập

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

### 11. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

#### Doanh thu từ hoạt động cho thuê

Thu nhập từ hoạt động cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### Tiền lãi

Được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### 12. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

---

### 13. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

### 14. Thuế

Công ty tự xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được thành lập từ dự án đầu tư (dự án đầu tư ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất) là: thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu, miễn 100% trong 4 năm đầu từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo (Năm 2012 là năm thứ 3 Công ty được miễn thuế). Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

#### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

### 15. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

	30/6/2012	01/01/2012
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền mặt	836.103.219	567.289.794
Tiền gửi ngân hàng (*)	2.539.915.775	3.504.118.412
<b>Cộng</b>	<b>3.376.018.994</b>	<b>4.071.408.206</b>
(*) Bao gồm:	Ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng bằng VND		1.336.350.217
Tiền gửi ngân hàng bằng USD	57.785.94	1.203.565.558
<b>Cộng</b>		<b>2.539.915.775</b>
<b>2. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		
Phải thu khách hàng (*)	7.149.154.917	2.285.494.735
Trả trước cho người bán	304.777.970	529.446.370
Phải thu khác	152.867.384	199.875.019
<b>Cộng</b>	<b>7.606.800.271</b>	<b>3.014.816.124</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
<b>Cộng giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>7.606.800.271</b>	<b>3.014.816.124</b>
(*) Chủ yếu bao gồm các khoản phải thu liên quan đến hoạt động cho thuê văn phòng và thu phí dịch vụ ga hàng hóa.		
<b>3. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
Chi phí trả trước ngắn hạn (3.1)	301.790.369	739.803.752
Tài sản ngắn hạn khác (3.2)	122.586.410	99.985.810
<b>Cộng</b>	<b>424.376.779</b>	<b>839.789.562</b>
(3.1) Bao gồm:		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	301.790.369	516.557.339
Chi phí chờ phân bổ (chi phí bảo hiểm,...)	-	223.246.413
<b>Cộng</b>	<b>301.790.369</b>	<b>739.803.752</b>
(3.2) Bao gồm:		
Các khoản tạm ứng	122.586.410	79.985.810
Ký quỹ thuê máy photocopy	-	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>122.586.410</b>	<b>99.985.810</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

### 4. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: ngàn đồng

Nguyên giá	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Số dư đầu kỳ	61.727.600	9.786.938	13.395.367	4.146.471	71.369.399	160.425.776
Tăng	412.442.637	2.897.449	215.561.234	100.830.410	22.293.450	754.025.179
Giảm	-	7.820.000	3.625.323	-	-	11.445.323
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>474.170.237</b>	<b>4.864.387</b>	<b>225.331.278</b>	<b>104.976.881</b>	<b>93.662.849</b>	<b>903.005.632</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	2.571.983	252.202	1.910.767	1.089.517	4.860.938	10.685.408
Tăng	5.713.504	493.671	11.473.810	6.107.945	3.110.674	26.899.604
Giảm	-	96.098	443.190	-	-	539.288
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8.285.487</b>	<b>649.775</b>	<b>12.941.388</b>	<b>7.197.462</b>	<b>7.971.612</b>	<b>37.045.724</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	59.155.617	9.534.736	11.484.600	3.056.954	66.508.461	149.740.368
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>465.884.750</b>	<b>4.214.612</b>	<b>212.389.891</b>	<b>97.779.419</b>	<b>85.691.236</b>	<b>865.959.908</b>

TSCĐ tăng trong kỳ do mua sắm mới và xây dựng cơ bản chuyển sang.

TSCĐ giảm trong kỳ do thanh lý, nhượng bán.

### 5. Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Số dư đầu kỳ	53.238.712.000	508.748.431	53.747.460.431
Tăng	7.820.000.000	3.284.197.768	11.104.197.768
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>61.058.712.000</b>	<b>3.792.946.199</b>	<b>64.851.658.199</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Tăng	2.501.668.883	162.279.000	2.663.947.883
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.501.668.883</b>	<b>162.279.000</b>	<b>2.663.947.883</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	53.238.712.000	508.748.431	53.747.460.431
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>58.557.043.117</b>	<b>3.630.667.199</b>	<b>62.187.710.316</b>

Tài sản cố định thuê tài chính liên quan đến Hợp đồng cho thuê tài chính được thuyết minh chi tiết tại Mục 15.2(\*)





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

**6. Tài sản cố định vô hình (Phần mềm vi tính)**

	Số đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá	265.419.096	14.921.386.287	-	15.186.805.383
Hao mòn lũy kế	25.488.192	964.355.214	-	989.843.406
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>239.930.904</b>			<b>14.196.961.977</b>

TSCĐ Vô hình tăng lên trong kỳ từ xây dựng cơ bản chuyển sang.

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2012	01/01/2012
Chi phí liên quan đến việc xây dựng Trung tâm Dịch vụ Hàng hóa Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (*)	2.522.279.329	651.352.241.705
Chi phí mua sắm máy móc, thiết bị	-	117.986.819.336
<b>Cộng</b>	<b>2.522.279.329</b>	<b>769.339.061.041</b>

(\*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang giảm trong kỳ do đã hoàn thành, nghiệm thu chuyển sang tài sản cố định. Chi phí xây dựng dở dang còn lại cuối kỳ của những công trình phát sinh thêm chưa hoàn thành.

**8. Tài sản dài hạn khác**

	30/6/2012	01/01/2012
Chi phí trả trước dài hạn	(8.1) 79.555.393.590	70.340.925.355
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	432.259.683
Tài sản dài hạn khác	(8.2) 3.348.365.000	2.687.354.000
<b>Cộng</b>	<b>82.903.758.590</b>	<b>73.460.539.038</b>

(8.1) Bao gồm:

Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.330.259.382	2.289.225.940
Chi phí đào tạo chờ phân bổ	45.209.611	64.624.585
Giá trị tiền thuê đất	(*) 67.253.401.361	67.987.074.830
Phân chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá bán TSCĐ đối với hợp đồng bán tài sản cố định và thuê lại tài sản thuê tài chính	7.926.523.236	-
<b>Cộng</b>	<b>79.555.393.590</b>	<b>70.340.925.355</b>

(\*) Giá trị tiền thuê khu đất 14,3 ha tại số 6, đường Thăng Long, phường 14, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh (Nay là khu đất thuộc địa chỉ 30 Phan Thúc Duyệt, quận Tân Bình, Tp. HCM), theo biên bản thỏa thuận góp vốn từ Công ty Sửa chữa Máy bay A41, với tổng chi phí thuê là 71.900.000.000 đồng. Công ty đang tiến hành phân bổ theo thời gian của dự án "Trung tâm Dịch vụ Hàng Hóa Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất" là 49 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (ngày 20/4/2009).

(8.2) Bao gồm:

	30/6/2012	01/01/2012
Ký quỹ thuê máy photocopy, thuê xe nâng	105.800.000	-
Khoản ký quỹ cho Hợp đồng thuê tài chính	3.242.565.000	2.687.354.000
<b>Cộng</b>	<b>3.348.365.000</b>	<b>2.687.354.000</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

9. Vay và nợ ngắn hạn	30/6/2012	01/01/2012
Vay ngắn hạn	16.615.711.044	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Mục 15.2***)	9.082.800.000	-
<b>Cộng</b>	<b>25.698.511.044</b>	<b>-</b>

(**) Bao gồm:	01/01/2012	Tăng	Giảm	30/6/2012
ACB - SGD	-	23.914.827.546	9.299.116.502	14.615.711.044
GERMADEPT	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>25.914.827.546</b>	<b>9.299.116.502</b>	<b>16.615.711.044</b>

**Vay từ Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở Giao Dịch** theo Hợp đồng hạn mức thấu chi số 131301229/01 ngày 13/6/2012 với hạn mức thấu chi được sử dụng vượt số dư Có trên tài khoản tiền gửi thanh toán là 15 tỷ đồng; Mục đích: bổ sung vốn lưu động; Thời hạn hiệu lực: đến ngày 13/12/2012; Lãi suất tại ngày 30/6/2012 là 18,3%/năm; Tài sản đảm bảo: Quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất trị giá 630 tỷ đồng; Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải trị giá 206.075.165.674 đồng. Số dư nợ vay tại ngày 30/6/2012 là **14.615.711.044 đồng**.

**Vay từ Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept** theo hợp đồng vay vốn số /2012/HĐVV GLC-SCSC ngày 27/6/2012 với số tiền vay là 2 tỷ đồng; Thời hạn vay: 1 tháng; Lãi suất vay: 0%/tháng. Số dư nợ vay tại ngày 30/6/2012 là **2 tỷ đồng**.

10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	30/6/2012	01/01/2012
Phải trả người bán (*)	74.106.127.921	57.266.093.977
Người mua trả tiền trước	293.389.081	28.547.776
<b>Cộng</b>	<b>74.399.517.002</b>	<b>57.294.641.753</b>

(\*) Bao gồm:

Công ty CP Xây dựng Cotec	37.505.111.693
Công ty Loedige Asia Ltd (814,541.85 USD)	16.951.267.827
Công ty Smiths Detection (218,000.00 USD)	4.540.504.000
Công ty Lufthansa (83,580.81 USD)	1.740.821.111
Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay A41	11.102.613.937
Nhà cung cấp khác	2.265.809.353
<b>Cộng</b>	<b>74.106.127.921</b>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/6/2012	01/01/2012
Thuế GTGT	860.521.608	402.862.711
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	44.592.650
Thuế Thu nhập cá nhân	550.931.162	109.492.005
<b>Cộng</b>	<b>1.411.452.770</b>	<b>556.947.366</b>

12. Phải trả người lao động	30/6/2012	01/01/2012
Lương còn phải trả nhân viên	1.717.917.716	1.511.568.431



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)*

		30/6/2012	01/01/2012
<b>13. Chi phí phải trả</b>	(*)	<b>6.613.398.291</b>	<b>13.595.422.991</b>
(*) Bao gồm:			
Chi phí lãi vay còn phải trả		1.055.410.279	
Lãi chậm thanh toán phải trả cho Cotecons		3.211.960.052	
Chi phí phải trả khác		2.346.027.960	
<b>Cộng</b>		<b>6.613.398.291</b>	
		30/6/2012	01/01/2012
<b>14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	(*)	<b>4.011.769.398</b>	<b>1.432.104.044</b>
(*) Bao gồm:			
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT và BHTN		1.359.228.274	
Phải trả Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Nam - SAC liên quan đến phí thuê nhân công phục vụ an ninh soi chiếu và khoản thu hộ phí soi chiếu		2.651.346.161	
Phải trả khác		1.194.963	
<b>Cộng</b>		<b>4.011.769.398</b>	
		30/6/2012	01/01/2012
<b>15. Nợ dài hạn</b>			
Phải trả dài hạn khác	(15.1)	3.637.938.041	3.021.970.397
Vay và nợ dài hạn	(15.2)	529.723.004.889	529.033.733.855
Doanh thu chưa thực hiện	(15.3)	63.627.197.006	69.342.238.735
<b>Cộng</b>		<b>596.988.139.936</b>	<b>601.397.942.987</b>
<b>(15.1) Nhận đặt cọc, ký quỹ cho thuê văn phòng và phát hành vận đơn,...</b>			
<b>(15.2) Bao gồm:</b>			
Nợ thuê tài chính	(*)	59.498.596.390	
Vay dài hạn	(**)	479.307.208.499	
Nợ dài hạn đến hạn trả	(***)	(9.082.800.000)	
<b>Cộng</b>		<b>529.723.004.889</b>	

(\*) Nợ dài hạn liên quan đến hợp đồng thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB Leasing) theo hai hợp đồng thuê:

Hợp đồng số 02.12.11/HĐCTTC-SCSC ngày 27/12/2011, với số tiền được giải ngân là 49.726.525.357 đồng; thời hạn cho thuê là 84 tháng; lãi cho thuê tài chính được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần; trả nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ 03 tháng/lần, kỳ gốc đầu tiên trả vào tháng 02/2012. Dư nợ gốc thuê tài chính tại ngày 30/6/2012 là **49.226.525.357 đồng**.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Hợp đồng số 02.12.11/HĐCTTC1-SCSC ngày 01/02/2012, với số tiền được giải ngân là 10.272.071.033 đồng; thời hạn cho thuê là 84 tháng; lãi cho thuê tài chính được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần; trả nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ 03 tháng/lần. thời gian ân hạn: 0 tháng. Dư nợ gốc thuê tài chính tại ngày 30/6/2012 là **10.272.071.033 đồng**.

(\*\*) **Vay từ Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở Giao Dịch** theo 3 hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 60866429 ngày 15/6/2009 với hạn mức tín dụng được cấp là 480.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng, lãi suất tại ngày 30/6/2012 đối với VND là 18,5% và với USD là 7,6%/năm, lãi vay được trả hàng tháng. Mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa - Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất. Tài sản đảm bảo: Quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa với trị giá ước tính 630 tỷ đồng và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay với tổng trị giá ước tính 266 tỷ đồng. Dư nợ vay tại ngày 30/6/2012 là **356.445.285.630 đồng** và **3,599,936.68 USD** tương đương 74.979.481.172 đồng.

Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 97705549 ngày 06/10/2010 với hạn mức được cấp là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn vay đến hết ngày 25/6/2019; lãi suất tại ngày 30/6/2012 đối với VND là 18,5% và với USD là 7,6%/năm, lãi vay được trả hàng tháng. Mục đích vay là: đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất. Tài sản đảm bảo: Quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất với giá trị ước tính là 630 tỷ đồng; Máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay (01 xe nâng Dầu Diesel Komatsu, 111 xe nâng hàng Dolly/Trolley, 06 chiếc xe nâng) với tổng trị giá ước tính là 10.707.000.000 đồng. Dư nợ vay tại ngày 30/6/2012 là **5.246.065.296 đồng** và **1,326,885.75 USD** tương đương 27.636.376.401 đồng.

Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số SGD.DN.02200911 ngày 27/9/2011 với hạn mức được cấp không vượt quá 52.653.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng; lãi suất tại ngày 30/6/2012 là 18,5%/năm. Mục đích vay là: theo từng kế ước nhận nợ (thanh toán lương và các chi phí thường xuyên). Tài sản đảm bảo: Quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất với trị giá ước tính là 630 tỷ đồng; hệ thống máy soi chiếu với trị giá ước tính là 43.960.000.000 đồng; máy móc thiết bị và phương tiện vận tải với trị giá ước tính là 232.792.000.000 đồng. Dư nợ vay tại ngày 30/6/2012 là **15.000.000.000 đồng**.

(***) Bao gồm:	30/6/2012
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	(6.582.800.000)
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	(2.500.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>(9.082.800.000)</b>

(15.3) Bao gồm:	
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến việc cho Tổng Công ty Hàng không miền Nam thuê sân đậu máy bay	61.912.000.002
Doanh thu chưa thực hiện khác	1.715.197.004
<b>Cộng</b>	<b>63.627.197.006</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

### 16. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	01/01/2012	Tăng	Giảm	30/6/2012
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	380.000.000.000	-	-	380.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(5.323.160.821)	1.599.738.700	40.418.114	(3.763.840.234)
Quỹ đầu tư phát triển	545.595.492	98.533.424	-	644.128.916
Quỹ dự phòng tài chính	361.895.237	98.533.424	-	460.428.661
Lợi nhuận chưa phân phối	2.902.456.929	(51.749.493.715)	394.133.696	(49.241.170.483)
<b>Cộng</b>	<b>378.486.786.837</b>	<b>(49.952.688.167)</b>	<b>434.551.810</b>	<b>328.099.546.859</b>

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009937 ngày 08/4/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/9/2011, vốn điều lệ của Công ty là 380.000.000.000 đồng, chia thành 38.000.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) bao gồm: 30.810.000 cổ phần phổ thông và 7.190.000 cổ phần ưu đãi cổ tức.

Danh sách cổ đông sáng lập	Theo Đăng ký kinh doanh		Vốn góp thực tế tại ngày 30/6/2012	
	Số tiền	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Số tiền
Cụm cảng Hàng không miền Nam	75.000.000.000	20%	20%	75.000.000.000
Công ty CP Đại lý Liên hiệp Vận chuyển	69.000.000.000	18%	23%	86.250.000.000
Công ty Sửa chữa Máy bay A41 (*)	72.000.000.000	19%	19%	72.025.000.000
Công ty Đầu tư Nam Phú Quốc tế	33.000.000.000	9%	9%	33.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Á Châu	27.000.000.000	7%	17%	63.750.000.000
Công ty CP Sóng Việt	24.000.000.000	6%	0%	
Các cổ đông khác	80.000.000.000	21%	13%	49.975.000.000
<b>Cộng</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>380.000.000.000</b>

(\*) Tổng trị giá góp vốn của Công ty Sửa chữa Máy bay A41 là 72.025.000.000 đồng, bao gồm: 125.000.000 đồng (tương đương 12.500 cổ phần phổ thông) góp bằng tiền mặt và 71.900.000.000 đồng (tương đương 7.190.000 cổ phần ưu đãi cổ tức) góp bằng giá trị tiền thuê 14,3 ha đất tại số 06, đường Thăng Long, phường 14, quận Tân Bình, Tp. HCM (Nay là khu đất tại địa chỉ 30 Phan Thúc Duyệt, quận Tân Bình, Tp. HCM) theo Quyết định số 544/QĐ-TL của Bộ Tư Lệnh PK-KQ ngày 03/4/2008.

#### Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:

Trích Quỹ dự phòng tài chính	98.533.424
Trích Quỹ đầu tư phát triển	98.533.424
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	197.066.848
<b>Cộng</b>	<b>394.133.696</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

### VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
<b>17. Doanh thu</b>		
Doanh thu khai thác nhà ga	42.177.561.464	11.507.449.406
Doanh thu cho thuê sân đậu máy bay	5.819.432.274	5.801.719.412
Doanh thu cho thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan	8.049.114.334	2.964.048.035
Doanh thu khác	37.300.774	26.472.558
<b>Cộng</b>	<b>56.083.408.846</b>	<b>20.299.689.411</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	5.827.925
- Giảm giá hàng bán	-	5.827.925
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>56.083.408.846</b>	<b>20.293.861.486</b>
<b>18. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn khai thác nhà ga	31.834.527.304	3.804.065.474
Giá vốn cho thuê sân đậu máy bay	3.209.836.685	1.179.818.351
Giá vốn từ hoạt động cho thuê văn phòng và dịch vụ liên quan	1.600.269.828	1.028.793.341
Giá vốn khác	57.096.266	45.135.592
<b>Cộng</b>	<b>36.701.730.083</b>	<b>6.057.812.758</b>
<b>19. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng	74.544.346	696.827.099
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.961.122	-
<b>Cộng</b>	<b>79.505.468</b>	<b>696.827.099</b>
<b>20. Chi phí hoạt động tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	41.988.635.514	4.718.608
Chi phí lãi thuê tài chính	5.151.037.514	-
Chi phí lãi chậm thanh toán phải trả cho Coteccons	3.211.960.052	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	10.951.275	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.599.738.700	-
Chi phí tài chính khác	-	6.762.548
<b>Cộng</b>	<b>51.962.323.055</b>	<b>11.481.156</b>
<b>21. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	6.775.472.928	5.534.913.130
Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	2.833.916.648	1.468.751.850
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.235.056.340	1.320.532.066
Thuế, phí và lệ phí	13.847.814	38.715.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	941.978.420	5.879.522.122
Chi phí khác bằng tiền	3.759.535.229	231.472.541
<b>Cộng</b>	<b>19.559.807.379</b>	<b>14.473.907.561</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)*

	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
<b>22. Thu nhập khác</b>		
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	11.104.197.768	9.533.344
Thu nhập khác	796.997.066	-
<b>Cộng</b>	<b>11.901.194.834</b>	<b>9.533.344</b>
<b>23. Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	10.906.034.937	9.533.344
Thù lao HĐQT và BKS	81.000.000	81.000.000
Chi phí khác	170.447.726	120.458.499
<b>Cộng</b>	<b>11.157.482.663</b>	<b>210.991.843</b>
<b>24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(51.317.234.032)</b>	<b>246.028.610</b>
<i>Cộng các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>1.851.186.426</i>	<i>201.458.499</i>
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ này</b>	<b>(49.466.047.606)</b>	<b>447.487.109</b>
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động nhà ga	-	447.487.109
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh khác	-	-
Thuế suất thuế TNDN từ hoạt động nhà ga	10%	10%
Thuế suất thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh khác	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	44.748.711
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	(44.748.711)
<b>Thuế TNDN phải nộp ước tính</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.147.656.479	1.468.751.850
Chi phí nhân công	14.417.936.239	9.338.978.604
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.309.692.479	3.529.143.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.343.694.670	5.879.522.122
Chi phí khác bằng tiền	3.830.479.309	315.323.985
<b>Cộng</b>	<b>56.049.459.176</b>	<b>20.531.720.319</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

### VII. Thông tin khác

#### 1. Nghiệp vụ các bên liên quan

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Cụm cảng Hàng không miền Nam	Cổ đông	Cung cấp dịch vụ Phí nhân công an ninh soi chiếu	2.716.941.159 (972.000.000)
Công ty Sửa chữa Máy bay A41	Cổ đông	Chuyển tiền hỗ trợ di dời	1.000.000.000

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Phải thu/(Phải trả)
Cụm cảng Hàng không miền Nam	Cổ đông	Phải trả	(2.651.346.161)
Công ty Sửa chữa Máy bay A41	Cổ đông	Phải trả	(11.102.613.937)

#### 2. Cam kết phân phối lợi nhuận

Theo Công văn số 657/Cty.TC ngày 10/02/2012 của Công ty Sửa chữa Máy bay A41 - Bộ Quốc Phòng thì Công ty phải phân phối một khoản lợi nhuận cố định hàng năm cho Công ty Sửa chữa Máy bay A41 được tính từ năm 2013.

#### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

- Công ty đang trong quá trình thỏa thuận với Công ty Sửa chữa Máy bay A41 về thời gian thuê đất tại khu đất 14,3 ha tại số 6, đường Thăng Long, phường 14, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh (Nay là khu đất thuộc địa chỉ 30 Phan Thúc Duyệt, quận Tân Bình, Tp. HCM) tương ứng với giá trị 71.900.000.000 đồng là 15 năm 5 tháng (theo biên bản góp vốn ban đầu) hay 49 năm (theo thời gian của dự án ga Hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất). Hiện tại, Công ty vẫn đang phân bổ giá trị tiền thuê khu đất này tương ứng với 49 năm.

- Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số SCSC12/HĐQT/NQ/08 ngày 26/7/2012, Công ty đang tiến hành các thủ tục nhằm phát hành bổ sung 8.200.000 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu với giá bán dự kiến là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Ngoài những sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

TP HCM, ngày 18 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Thanh Hà

  
Lê Xuân Lộc

  
Tổng Giám Đốc  
Nguyễn Quốc Khánh